

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/8/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 70-180mm, có nơi trên 200mm như: Mường Tè (Lai Châu) 291.3mm, Chi Nê (Phú Thọ) 259.5mm, Bắc Quang (Tuyên Quang) 226.5mm, Ba Vì (Hà Nội) 258.2mm
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái tăng so với thời đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 44%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 122%. + Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN 7%. + Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều (Hồ Tuyên Quang vẫn duy trì 01 cửa xả đáy). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 11%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 80-150mm, có nơi trên 250mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái dự báo giảm hơn so với thời đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 43%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 219%. + Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 16%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều (Hồ Hòa Bình đóng cửa xả đáy 01 lúc 16h/31/7; hồ Tuyên Quang vẫn duy trì 01 cửa xả đáy). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 5%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 60-150mm, có nơi trên 200mm như: Hiệp Hòa (Bắc Ninh) 210.2mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 37%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ có dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 75%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 70-150mm, có nơi trên 200mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 15%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy sẽ dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 57%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phía Bắc 100-250, có nơi trên 250mm: Đô Lương (Nghệ An) 317.6mm, Hương Sơn (Hà Tĩnh) 262.6mm; phía Nam 10-40mm, có nơi trên 100mm như. Khe Sanh (Quảng Trị) 144mm, A Lưới (Tp.Huế) 152.1mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 13%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 65%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 47%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 79%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 114%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp TBNN cùng kỳ khoảng 27%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 61%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 34%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 74%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông có dao

động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 166%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: 10-40mm, có nơi trên 100mm như: Trà My (Tp. Đà Nẵng) 127.8mm, Ba Tư (Quảng Ngãi) 124.4mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông dao động theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 14%, trên sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN 41%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa xấp xỉ TBNN, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 77%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 37%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 69%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 87%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 50mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức tương đương TBNN cùng kỳ. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 86% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 31% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 40-100mm, có nơi trên 150mm như: Lắc (Đắk Lắk) 162.6mm, Trị An (Đồng Nai) 338.2mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn so với tuần trước; sông Krông Ana lưu lượng biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 87%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 63%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến 30-80mm, có nơi trên 100mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương so với tuần vừa qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 88%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 58%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục tăng trong 5 ngày đầu sau đó giảm: trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 7%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 25%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 8/8/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/08/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	38.4	<72	5.6	4.3	10	13.8	23.4	20.2	35.2	112.5	>33
	Sơn La	85.8	<7	7.7	15.7	27.1	22.5	25.9	41.7	40.1	180.7	>185
	Hòa Bình	64.4	<53	12.8	5.6	13.3	11.3	17.8	29.1	10.1	100	>19
	Lào Cai	62.5	<41	5.6	8.4	6.6	10	24.1	24	8.3	87	<19
	Yên Bái	79.7	<46	18	19.6	15.2	13.5	32.9	43.2	11	153.4	>64
	Tuyên Quang	82.2	<37	18	22.2	21.3	22.2	14.6	28.6	31.8	158.7	>155
	Hà Giang	101.6	<43	5.2	7	16.8	24.7	31.5	26.1	17.7	129	>17
	Láng	13.8	<87	13.9	7	29.5	25.6	17.5	22.4	12.6	128.5	>65
	Thái Bình	15.5	<85	17.4	9.6	27	49.1	15.6	22.8	27.9	169.4	>145
	Nam Định	26.6	<73	10.7	13	31.6	38.1	12.2	22.5	18.6	146.7	>139
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	26.3	<74	20.5	13.1	13.4	26.5	30.5	24.4	22.9	151.3	>118
	Thái Nguyên	12.1	<91	14.4	22.1	22.3	17.7	24	16.7	19.5	136.7	>79
	Bắc Ninh	42.3	<56	6	13.8	37.2	14.2	21.3	51.6	20.3	164.4	>100
	Lạng Sơn	2.7	<97	4.5	5.6	19	7.7	11.1	11.2	4	63.1	>31
	Bắc Giang	34.3	<66	7.6	13.4	55.1	16.3	29.8	22	7.4	151.6	>92
	Hải Dương	3.2	<97	7.5	20.2	45.7	11.9	20.9	44.5	19.4	170.1	>132
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	65.4	<47	11	9.2	15.3	26.2	15.9	28.3	16.9	122.8	>78
	Bái Thượng	0.2	<100	14.6	7.3	21.6	22.4	16.7	21	14.6	118.2	>61
	Thanh Hóa	0	<100	16.4	10.5	9.6	24.2	17.5	19.5	9.6	107.3	>134
	Quỳ Châu	5.1	<95	9.3	2	1.9	14.8	7.1	8.2	17.7	61	<11
	Cửa Rào	12.1	<84	14.4	6.9	4.4	12.2	9.6	10.6	20.4	78.5	>82
	Đô Lương	27.2	<67	10.1	9	1.2	20.6	1	12.9	18.7	73.5	>69

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	0	<100	12.6	2.2	1	30.4	9.7	34.5	28.7	119.1	>185
	Hương Sơn	1.1	<98	4.4	4.3	1.4	7.4	6.5	6.5	8.3	38.8	<34
	Hương Khê	0.3	<100	4.7	2	3.4	5.9	6.9	40.2	5.5	68.6	<9
	Hà Tĩnh	0	<100	8.4	2.3	0.8	7	16.6	45.2	22.5	102.8	>76
	Đồng Hới	0	<100	3.7	1.7	0.4	2	5.7	3	7.5	24	<20
	Quảng Trị	3.1	<94	3.2	0.3	0.6	8.8	2.7	2.5	6.5	24.6	>11
	Nam Đông	4.8	<92	12.2	2.4	3.1	1.4	0.8	0.9	4.3	25.1	<48
	Huế	12.5	<67	6.5	0.6	1.3	2	1.1	0	3.1	14.6	<44
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	11.4	1.3	8.5	5.6	0.1	0.4	6.5	33.8	<12
	Trà My	29.8	<47	3.7	0.9	2.8	3.4	0	0.7	3.7	15.2	<65
	Ba Tơ	18.8	<60	3	2.2	1.8	1	0.1	1.3	4.6	14	<63
	Quảng Ngãi	0	<100	5.1	2	1.7	1	0.6	0.5	3	13.9	<51
	Quy Nhơn	20.2	>11	5.6	1.3	0.6	0.7	0.3	0.7	0.3	9.5	<65
	An Khê	32.7	<43	3.8	0.8	1.6	1.2	1.6	1.9	1.7	12.6	<69
	Tuy Hòa	45.7	>120	3.8	1.3	1.1	2.4	1.2	1.2	1.3	12.3	<20
	Nha Trang	141.5	>654	7.8	4.6	7.1	4.9	2.7	4.8	1.7	33.6	>198
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	29.7	<79	8.3	3.5	7.5	19.5	9.7	18.5	11.4	78.4	<15
	Lắk	48.2	<44	3.7	5.6	9.6	9.6	5.7	11.3	19.1	64.6	<32
	Buôn Mê Thuật	137	>59	10.9	10	7.3	10	7.8	18.4	6.6	71	<19
	Biên Hòa	37.9	<57	8.6	8.1	9.5	16.9	7.7	13.2	6.6	70.6	>27
	Cần Thơ	178.5	>120	6.9	3.7	6.7	9.7	6.3	8.7	9.1	51.1	<11

Bảng 1.2: Tổng lượng dòng chảy dự báo từ ngày 1/8 đến ngày 7/8/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 25/07 đến 31/07	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	07/08	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	615	<44	74	62	59	66	70	78.0	82	491	<43
Lô	Tuyên Quang	1299	>122	177.1	168.5	162.4	159.8	155.5	151.2	155.5	1406.6	>219
Đà	Hồ Hòa Bình	3301	>7	337	337	354.2	362.9	349.9	349.9	328.3	2419	>16
Hồng	Hà Nội	4183	>11	454	393	372	352	332	352.0	372	2628	>5
Cầu	Gia Bảy	161	>37	18.1	20.4	22.7	20.4	18.1	13.8	15.8	129.3	>15
Lục Nam	Chũ	27.7	<75	6.1	6.3	6.5	7	6.5	6.3	6	44.6	<57
Mã	Cắm Thủy	562	< 13	55.2	55.2	57	61.7	58.8	64.6	58.8	411	< 27
Cả	Yên Thượng	199.6	< 65	21.1	21.1	21.8	23.6	22.5	24.7	22.5	157	< 61
La	Hòa Duyệt	35.4	< 47	3.9	3.9	4.0	4.35	4.2	4.6	4.2	29	< 34
Tả Trách	Thượng Nhật	11.6	> 114	1.3	1.4	1.7	1.5	1.5	1.3	1.4	10	> 166
Thu Bồn	Nông Sơn	84	> 14	13.8	10.9	12	10.1	8.7	7.8	8.5	71.8	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	80.2	> 41	12.1	10.4	8.8	9.3	7.4	7.8	6.9	62.7	~ TBNN
Ba	Củng Sơn	26.8	<77	3.02	2.8	2.8	2.7	2.8	2.8	2.6	19.3	<86
Cái N,T	Đồng Trăng	14.6	<37	1.7	1.6	1.6	1.4	1.4	1.3	1.4	10.3	<31
ĐăkBlá	KonTum	10.3	< 87	1.06	1.13	1.11	1.15	1.17	1.1	1.26	8	< 88
Srêpôk	Giang Sơn	19.9	< 63	3.1	3	2.8	2.7	2.8	2.9	3	20	< 58
Tiền	Tân Châu			1236	1322	1382	1426	1452	1426	1391	9634	<7
Hậu	Châu Đốc			191	211	229	248	254	249	237	1617	<25